

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

M.S.O.

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2016	7 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	12 - 60



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn").

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC được chuyển đổi từ Công ty TNHH Máy tính Truyền thông. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015824 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 02 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội 06 lần cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi về việc thay đổi mã số doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh và cổ đông sáng lập.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 04.3 795 8989
- Fax : 04.3 795 8668

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Dịch vụ thuê và cho thuê nhà ở, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Kinh doanh, đầu tư, môi giới và quản lý bất động sản;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Mua bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, thiết bị, vật tư phục vụ trong sản xuất, khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ;
- Sản xuất, mua bán trang thiết bị y tế;
- Dịch vụ huấn luyện và đào tạo trong lĩnh vực công nghệ thông tin;
- Sản xuất, lắp ráp, mua bán, bảo hành, bảo dưỡng và cho thuê các sản phẩm dịch vụ, thiết bị phục vụ ngành công nghệ thông tin, điện tử và phát thanh truyền hình, thiết bị bưu chính viễn thông, thiết bị văn phòng;
- Sản xuất phần mềm, cung cấp dịch vụ và giải pháp phần mềm và nội dung, xuất bản phần mềm; dịch vụ xử lý dữ liệu và các hoạt động liên quan đến cơ sở dữ liệu, gia công và xuất khẩu phần mềm;
- Tích hợp hệ thống, tư vấn đầu tư, cung cấp các giải pháp tổng thể và dịch vụ hạ tầng trong lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử viễn thông và phát thanh truyền hình.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/từ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Hà Thế Minh	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Trung Chính	Phó Chủ tịch	
Ông Vũ Văn Tiên	Phó Chủ tịch	
Ông Trương Ngọc Lân	Ủy viên	Từ nhiệm ngày 10 tháng 11 năm 2015
Ông Nguyễn Phước Hải	Ủy viên	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/từ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Nguyễn Minh Đức	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 01 năm 2016
Ông Hoàng Ngọc Hùng	Ủy viên	
Ông Tạ Hoàng Linh	Ủy viên	
Ông Trương Tuấn Lâm	Ủy viên	

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 7 năm 2015
Ông Nguyễn Kim Cương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 7 năm 2015
Ông Đào Mạnh Kháng	Ủy viên	
Ông Trương Thanh Phúc	Ủy viên	

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Trung Chính	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phước Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Sơn	Giám đốc tài chính
Ông Nguyễn Đức Hoàng	Giám đốc quản trị

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Trung Chính.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

ABB
 CHỈ N
 CÒN
 HẠN
 (TỎ
 A
 TẠI
 3 Đ)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trung Chính

Ngày 16 tháng 6 năm 2016



Số: 353/2016/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 16 tháng 6 năm 2016, từ trang 07 đến trang 60, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính hợp nhất đó tại ngày 29 tháng 6 năm 2015.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1

A blue ink signature, likely of the auditor, written over a horizontal line.

Phạm Quang Huy - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1409-2013-008-1

Hà Nội, ngày 17 tháng 6 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Tại 31/3/2016	Tại 01/4/2015
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		1.303.118.952.471	934.212.419.029
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	87.680.257.918	78.178.073.117
1. Tiền		111		82.650.257.918	61.103.073.117
2. Các khoản tương đương tiền		112		5.030.000.000	17.075.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		120		238.980.223.937	48.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		123	V.2a	238.980.223.937	48.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		716.529.219.782	691.362.143.149
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		131	V.3	649.537.457.371	597.715.127.782
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		132	V.4	40.371.186.168	64.109.183.181
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		135	V.5	3.900.000.000	1.386.471.763
6. Phải thu ngắn hạn khác		136	V.6a	101.500.873.156	107.183.463.322
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		137	V.7	(78.780.296.913)	(79.270.875.548)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý		139		-	238.772.649
IV. Hàng tồn kho		140	V.8	198.201.591.456	133.506.951.104
1. Hàng tồn kho		141		201.587.034.367	137.746.664.517
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		(3.385.442.911)	(4.239.713.413)
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		61.727.659.378	31.117.251.659
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	V.9a	23.971.301.685	2.787.822.686
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		34.450.852.993	25.416.898.383
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		153	V.17	3.305.504.700	2.912.530.590
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		892.550.508.826	828.145.405.575
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		3.744.317.514	2.891.643.406
6. Phải thu dài hạn khác		216	V.6b	3.744.317.514	2.891.643.406
II. Tài sản cố định		220		571.360.503.670	540.093.287.702
1. Tài sản cố định hữu hình		221	V.10	532.482.358.768	493.467.307.516
Nguyên giá		222		805.725.117.076	702.219.981.091
Giá trị hao mòn lũy kế		223		(273.242.758.308)	(208.752.673.575)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		224	V.11	-	-
Nguyên giá		225		-	121.596.000
Giá trị hao mòn lũy kế		226		-	(121.596.000)
3. Tài sản cố định vô hình		227	V.12	38.878.144.902	46.625.980.186
Nguyên giá		228		68.102.437.249	67.088.010.249
Giá trị hao mòn lũy kế		229		(29.224.292.347)	(20.462.030.063)
III. Bất động sản đầu tư		230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn		240		151.700.808.422	130.327.750.254
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		242	V.13	151.700.808.422	130.327.750.254
V. Đầu tư tài chính dài hạn		250		24.817.732.234	17.564.453.976
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		252	V.2b	23.837.732.234	17.564.453.976
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		253	V.2c	1.666.417.400	686.417.400
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		254	V.2c	(686.417.400)	(686.417.400)
VI. Tài sản dài hạn khác		260		140.927.146.986	137.268.270.237
1. Chi phí trả trước dài hạn		261	V.9b	136.233.644.225	130.228.963.218
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		262	V.24a	450.249.832	610.259.884
5. Lợi thế thương mại		269	V.14	4.243.252.929	6.429.047.135
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		2.195.669.461.297	1.762.357.824.604

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/3/2016	Tại 01/4/2015
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.098.170.069.890	1.035.281.776.031
I. Nợ ngắn hạn	310		938.146.865.715	836.513.592.129
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	315.110.390.205	267.701.003.043
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	54.512.039.866	33.816.136.629
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	31.208.612.230	19.759.943.691
4. Phải trả người lao động	314		62.035.344.557	62.084.752.831
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	70.067.833.171	72.194.728.701
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19a	48.267.456.530	50.359.080.365
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20a	41.832.036.185	35.010.425.394
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	300.858.966.483	291.995.259.459
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.22	6.627.712.387	3.101.365.021
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.23	7.626.474.101	490.896.995
II. Nợ dài hạn	330		160.023.204.175	198.768.183.902
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.19b	41.178.132.848	6.544.395.148
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.20b	14.858.414.063	15.887.779.043
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	100.835.467.983	174.508.973.090
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.24b	1.763.240.645	1.827.036.621
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.25	1.387.948.636	-
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.097.499.391.407	727.076.048.573
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.097.499.391.407	727.076.048.573
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.26	673.419.530.000	673.419.530.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		673.419.530.000	673.419.530.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.26	14.895.512.634	15.307.031.884
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.26	(6.840.260.634)	(6.840.260.634)
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.26	431.436.000	431.436.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.26	-	988.924.517
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.26	176.375.861.039	(15.299.081.895)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		76.765.022.739	(15.299.081.895)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		99.610.838.300	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.27	239.217.312.368	59.068.468.701
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.195.669.461.297	1.762.357.824.604

Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Phương

Giám đốc tài chính



Lê Thanh Sơn

Lập, ngày 16 tháng 6 năm 2016



 Tổng Giám đốc
 Nguyễn Trung Chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/4/2015 đến 31/3/2016	Từ 01/4/2014 đến 31/3/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3.704.396.584.216	3.290.052.850.930
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		10.583.369.477	25.345.747.909
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	3.693.813.214.739	3.264.707.103.021
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	3.166.506.566.261	2.747.630.041.722
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		527.306.648.478	517.077.061.299
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	16.623.336.361	5.281.343.638
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	32.705.994.655	44.875.731.880
Trong đó: chi phí lãi vay	23		25.970.916.609	35.374.748.936
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		9.726.293.956	8.409.409.604
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	210.271.613.834	205.421.937.586
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	160.344.859.063	150.552.698.467
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		150.333.811.243	129.917.446.608
12. Thu nhập khác	31	VI.8	15.946.822.110	6.763.340.459
13. Chi phí khác	32	VI.9	5.903.411.805	7.116.123.517
14. Lợi nhuận khác	40		10.043.410.305	(352.783.058)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		160.377.221.548	129.564.663.550
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	23.553.516.206	10.691.389.168
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	96.214.076	1.047.410.951
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		136.727.491.266	117.825.863.431
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		107.516.208.600	109.036.134.257
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		29.211.282.666	8.789.729.174
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	1.518	1.512
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	1.518	1.512

Kế toán trưởng

Nguyễn Hồng Phương

Giám đốc tài chính

Lê Thanh Sơn

Lập, ngày 16 tháng 6 năm 2016



Nguyễn Trung Chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Từ 01/4/2015 đến 31/3/2016	Từ 01/4/2014 đến 31/3/2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>160.377.221.548</i>	<i>129.564.663.550</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	80.949.207.881	69.564.784.314
- Các khoản dự phòng	03	2.181.498.229	23.188.035.298
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	661.961.884	1.373.596.244
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(18.258.777.931)	(3.086.042.562)
- Chi phí lãi vay	06	25.970.916.609	35.374.748.936
- Các khoản điều chỉnh khác	07	1.387.948.636	-
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>253.269.976.856</i>	<i>-255.979.785.780</i>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(25.227.616.494)	(118.206.706.836)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(66.211.546.865)	(12.178.950.549)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	102.192.522.144	50.690.119.684
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(27.188.160.006)	(13.590.909.108)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(25.233.139.156)	(34.714.162.132)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(12.621.498.213)	(8.982.774.288)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(10.232.289.954)	(4.466.591.375)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	188.748.248.312	114.529.811.176
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(140.432.232.101)	(79.510.964.521)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	9.568.472.553	10.736.364
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(252.359.670.937)	(1.628.572.529)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	13.427.447.000	16.995.461.854
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(980.000.000)	(1.900.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	2.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.364.316.371	5.122.519.361
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(367.411.667.114)	(58.910.819.471)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Từ 01/4/2015 đến 31/3/2016	Từ 01/4/2014 đến 31/3/2015
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	253.651.462.326	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	1.691.817.508.505	1.221.220.788.200
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.756.892.480.701)	(1.294.665.207.288)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.112.200)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>188.574.377.930</i>	<i>(73.444.419.088)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	9.910.959.128	(17.825.427.383)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	78.178.073.117	95.796.892.297
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(408.774.327)	206.608.203
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.1	87.680.257.918	78.178.073.117

Kế toán trưởng

Nguyễn Hồng Phương

Giám đốc tài chính

Lê Thanh Sơn

Lập, ngày 16 tháng 6 năm 2016



Nguyễn Trung Chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC (sau đây gọi tắt là "Công ty" hay "Công ty mẹ") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ thuê và cho thuê nhà ở, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Kinh doanh, đầu tư, môi giới và quản lý bất động sản;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Mua bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, thiết bị, vật tư phục vụ trong sản xuất, khoa học kỹ thuật và chuyên giao công nghệ;
- Sản xuất, mua bán trang thiết bị y tế;
- Dịch vụ huấn luyện và đào tạo trong lĩnh vực công nghệ thông tin;
- Sản xuất, lắp ráp, mua bán, bảo hành, bảo dưỡng và cho thuê các sản phẩm dịch vụ; thiết bị phục vụ ngành công nghệ thông tin, điện tử và phát thanh truyền hình, thiết bị bưu chính viễn thông, thiết bị văn phòng;
- Sản xuất phần mềm, cung cấp dịch vụ và giải pháp phần mềm và nội dung, xuất bản phần mềm; dịch vụ xử lý dữ liệu và các hoạt động liên quan đến cơ sở dữ liệu, gia công và xuất khẩu phần mềm;
- Tích hợp hệ thống, tư vấn đầu tư, cung cấp các giải pháp tổng thể và dịch vụ hạ tầng trong lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử viễn thông và phát thanh truyền hình.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 8 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Mua thêm vốn góp tại công ty con

Ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn đã mua thêm 7,5% cổ phần của Công ty Cổ phần An ninh An toàn Thông tin CMC, tăng tỷ lệ vốn góp tại công ty con này lên 95,50% từ ngày này. Giá mua thêm được thanh toán bằng tiền cho các cổ đông không kiểm soát. Giá trị ghi sổ của tài sản thuần của Công ty Cổ phần An ninh An toàn Thông tin CMC tại ngày mua là 11.054.038.058 VND, và giá trị ghi sổ của phần sở hữu mua thêm là 829.052.854 VND. Chênh lệch giữa giá mua với giá trị ghi sổ của phần sở hữu mua thêm được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Số tài khoản: 02101000000000000000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phát hành thêm vốn cho cổ đông chiến lược tại Công ty con

Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC trong quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016 đã phát hành thành công 8.500.000 cổ phần cho đối tác chiến lược là Công ty TIME dotCom Berhad, thu về 253.651.462.326 VND. Việc phát hành thêm cổ phần này làm cho tỷ lệ lợi ích cũng như tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ tại Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC giảm từ 73,2% tại thời điểm đầu năm xuống 54,63%.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Tại 31/3/2016	Tại 01/4/2015	Tại 31/3/2016	Tại 01/4/2015
Công ty TNHH Giải pháp phần mềm CMC	Hà Nội	Dịch vụ phần mềm	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Tích hợp hệ thống CMC	Hà Nội	Cung cấp các giải pháp về CNTT	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại CMC	Hà Nội	Phân phối các sản phẩm CNTT	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Hà Nội	Cung cấp dịch vụ viễn thông	54,63%	73,2%	54,63%	73,2%
Công ty Cổ phần An ninh An toàn Thông tin CMC	Hà Nội	Cung cấp giải pháp an toàn an ninh thông tin	95,5%	88%	95,5%	88%
Công ty TNHH CMC Blue France	Cộng hòa Pháp	Cung cấp dịch vụ thuê ngoài BPO, ITO	100%	100%	100%	100%
Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	Hà Nội	Nghiên cứu, triển khai ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới thuộc các lĩnh vực ICT	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC Sài Gòn (i)	Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp các giải pháp về CNTT	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Máy tính CMS (ii)	Hà Nội	Sản xuất, lắp ráp phân phối máy tính	100%	100%	100%	100%

- (i) Công ty nắm giữ 100% quyền biểu quyết tại Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC Sài Gòn thông qua Công ty TNHH Tích hợp hệ thống CMC.
- (ii) Công ty nắm giữ 100% quyền biểu quyết tại Công ty TNHH Máy tính CMC thông qua Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại CMC.

5c. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Tại 31/3/2016	Tại 01/4/2015	Tại 31/3/2016	Tại 01/4/2015
Công ty Cổ phần Liên doanh Cyber - CMC	Hà Nội	Sản xuất, cung cấp dịch vụ phần mềm	49,90%	49,90%	49,90%	49,90%
Công ty Cổ phần Netnam	Hà Nội	Cung cấp dịch vụ về mạng internet	41,14%	41,14%	41,14%	41,14%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con". Các quy định kế toán mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Tập đoàn và Tập đoàn đã trình bày lại các số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày do vậy các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 1.611 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 1.602 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm trước và kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm sau.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con". Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, các thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chỉ phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Tập đoàn đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Tập đoàn và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

Tỷ giá sử dụng khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con lập bằng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty mẹ như sau:

- Tài sản và lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá mua của ngân hàng tại ngày kết thúc năm tài chính
- Nợ phải trả được quy đổi theo tỷ giá bán của ngân hàng tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Giá trị tài sản thuần của công ty con do Công ty mẹ nắm giữ tại ngày mua được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ tại ngày mua.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày mua công ty con được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục doanh thu, chi phí của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Cổ tức đã trả được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả cổ tức.
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Nếu tỷ giá bình quân kỳ báo cáo xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

không quá 2%) thì áp dụng tỷ giá bình quân. Nếu biên độ giao động của tỷ giá giữa thời điểm đầu năm và cuối năm trên 20% thì áp dụng theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con được phản ánh lũy kế trong phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc:

- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho Công ty mẹ được trình bày tại khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho cổ đông không kiểm soát được trình bày tại khoản mục "Lợi ích cổ đông không kiểm soát".

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh liên quan đến việc quy đổi khoản lợi thế thương mại chưa phân bổ hết tại ngày kết thúc năm tài chính được tính toàn bộ cho Công ty mẹ và được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng và thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (48 năm).

Chi phí đầu tư sản phẩm phần mềm

Các dự án đầu tư sản phẩm phần mềm đã hoàn thành và không đăng ký sở hữu trí tuệ được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 03 đến 10 năm.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 45
Máy móc và thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định khác	05 - 07

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao trong 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 - 10 năm.

Bản quyền, bằng sáng chế

Nguyên giá của bản quyền tác giả, bằng sáng chế mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Bản quyền tác giả, bằng sáng chế được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 - 10 năm.

Nhãn hiệu hàng hóa

Nhãn hiệu hàng hóa được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 - 10 năm.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 - 07 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phi hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phi hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

15. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng phải trả của Tập đoàn là dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa. Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa bằng 0,5% trên doanh thu các sản phẩm, hàng hóa (năm trước là 0,5%). Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Tăng, giảm số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

16. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tập đoàn như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
 - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
 - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
 - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
 - Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Tài sản cố định hình thành từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ được ghi giảm quỹ tương ứng và không phải trích khấu hao.

Mức trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập quỹ của các năm sau.

17. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phân ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

18. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

19. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá tỷ lệ phần trăm (%) chi phí nhân công đã phát sinh so với tổng chi phí nhân công ước tính để hoàn thành toàn bộ giao dịch cung cấp dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đối với tiền cược trả trước lần đầu dịch vụ FTTH và EOC của khách hàng mới phát sinh trong năm tài chính, Tập đoàn ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền cược trả trước của các khách hàng này, không thực hiện phân bổ doanh thu cho các kỳ cược tương ứng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

20. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

21. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

22. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

25. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

26. Công cụ tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Tại 31/3/2016</u>	<u>Tại 01/4/2015</u>
Tiền mặt	4.092.369.876	10.155.069.324
Tiền gửi ngân hàng	78.557.888.042	50.948.003.793
Các khoản tương đương tiền	5.030.000.000	17.075.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	5.030.000.000	17.075.000.000
Cộng	<u>87.680.257.918</u>	<u>78.178.073.117</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có thời gian đáo hạn từ trên 03 tháng đến dưới 1 năm.

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Tại 31/3/2016			Tại 01/4/2015		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
- Công ty Cổ phần Liên doanh Ciber CMC	4.990.000.000	1.908.891.693	6.898.891.693	4.990.000.000	791.838.907	5.781.838.907
- Công ty Cổ phần Netnam	7.258.356.000	9.680.484.541	16.938.840.541	7.258.356.000	4.524.259.069	11.782.615.069
Cộng	12.248.356.000	11.589.376.234	23.837.732.234	12.248.356.000	5.316.097.976	17.564.453.976

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Công ty Cổ phần Liên doanh Ciber CMC	Công ty Cổ phần Netnam	Cộng
Giá trị phần sở hữu tại 01/4/2015	5.781.838.907	11.782.615.069	17.564.453.976
Phần lãi/(lỗ) trong năm	1.117.052.786	8.609.241.170	9.726.293.956
Trích lập quỹ tại công ty liên kết		(787.743.698)	(787.743.698)
Giảm khác tại công ty liên kết		(2.665.272.000)	(2.665.272.000)
Giá trị phần sở hữu tại 31/3/2016	6.898.891.693	16.938.840.541	23.837.732.234

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch chủ yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên kết như sau:

	Từ 01/4/2015 đến 31/3/2016	Từ 01/4/2014 đến 31/3/2015
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho		
<i>Công ty Cổ phần Liên doanh Ciber – CMC</i>	1.960.607.024	2.175.768.830
<i>Công ty Cổ phần Netnam</i>	238.783.815	136.813.402
Mua hàng hóa và dịch vụ của		
<i>Công ty Cổ phần Liên doanh Ciber – CMC</i>	19.491.811.801	
<i>Công ty Cổ phần Netnam</i>	1.650.073.342	3.238.518.246
Cổ tức lợi nhuận được chia từ		
<i>Công ty Cổ phần Liên doanh Ciber – CMC</i>		
<i>Công ty Cổ phần Netnam</i>	4.237.440.000	2.879.814.000

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tại 31/3/2016		Tại 01/4/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Vijasgate	627.044.400	(627.044.400)	627.044.400	(627.044.400)
Công ty TNHH Viễn thông VTCAB & CMC	980.000.000	-		
Công ty TNHH Phần mềm Thống Nhất	59.373.000	(59.373.000)	59.373.000	(59.373.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cộng	Tại 31/3/2016		Tại 01/4/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	1.666.417.400	(686.417.400)	686.417.400	(686.417.400)

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại 31/3/2016	Tại 01/4/2015
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<u>1.845.470.685</u>	<u>2.274.159.186</u>
Công ty Cổ phần Liên doanh Ciber – CMC	1.845.470.685	25.033.944
Công ty Cổ phần Netnam		2.249.125.242
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<u>647.691.986.686</u>	<u>595.440.968.596</u>
Cộng	<u>649.537.457.371</u>	<u>597.715.127.782</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại 31/3/2016	Tại 01/4/2015
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán khác	40.371.186.168	64.109.183.181
Cộng	<u>40.371.186.168</u>	<u>64.109.183.181</u>

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Tại 31/3/2016	Tại 01/4/2015
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<u>3.900.000.000</u>	-
Công ty Cổ phần Liên doanh Ciber – CMC	3.900.000.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	-	<u>1.386.471.763</u>
Cho các tổ chức và cá nhân khác vay		1.386.471.763
Cộng	<u>3.900.000.000</u>	<u>1.386.471.763</u>

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại 31/3/2016		Tại 01/4/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<u>336.512.551</u>			
Công ty Cổ phần Liên doanh Ciber – CMC	331.924.932			
Công ty Cổ phần Netnam	4.587.619			
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<u>101.164.360.605</u>	<u>(1.464.320.000)</u>	<u>107.183.463.322</u>	<u>(7.714.374.278)</u>
Tạm ứng	51.130.797.733		66.145.097.346	
Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Geleximco	7.500.000.000	(750.000.000)	7.500.000.000	(750.000.000)
Tiền lãi cho vay	2.999.809.529		4.904.236.274	
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	18.124.013.481		15.777.536.425	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Tại 31/3/2016		Tại 01/4/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	10.955.488.895			
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	10.454.250.967	(714.320.000)	12.856.593.277	(6.964.374.278)
Cộng	101.500.873.156	(1.464.320.000)	107.183.463.322	(7.714.374.278)

6b. Phải thu dài hạn khác

	Tại 31/3/2016		Tại 01/4/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>				
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>3.744.317.514</i>		<i>2.891.643.406</i>	
Ký cược, ký quỹ	3.744.317.514		2.891.643.406	
Cộng	3.744.317.514		2.891.643.406	

7. Nợ xấu

	Tại 31/3/2016		Tại 01/4/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>				
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>85.530.296.913</i>	<i>6.750.000.000</i>	<i>86.020.875.548</i>	<i>6.750.000.000</i>
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	85.530.296.913	6.750.000.000	86.020.875.548	6.750.000.000
Cộng	85.530.296.913	6.750.000.000	86.020.875.548	6.750.000.000

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	Nợ phải thu và cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu và cho vay dài hạn	Cộng
Tại 01/4/2015	(79.270.875.548)		(79.270.875.548)
Trích lập dự phòng bổ sung	(6.849.949.923)		(6.849.949.923)
Hoàn nhập dự phòng	1.090.474.280		1.090.474.280
Giảm dự phòng đo hợp nhất báo cáo	6.250.054.278		6.250.054.278
Tại 31/3/2016	(78.780.296.913)		(78.780.296.913)

8. Hàng tồn kho

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Tại 31/3/2016		Tại 01/4/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	168.440.000		712.581.115	
Nguyên liệu, vật liệu	43.134.789.015	(575.254.692)	12.466.871.396	
Công cụ, dụng cụ	73.590.100		12.119.236.238	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.848.974.667		18.900.069.332	
Thành phẩm	361.926.603		4.916.979.949	
Hàng hóa	151.815.675.465	(2.810.188.219)	88.406.176.667	(4.239.713.413)
Hàng gửi đi bán	183.638.517		224.749.820	
Cộng	201.587.034.367	(3.385.442.911)	137.746.664.517	(4.239.713.413)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Từ 01/4/2015 đến 31/3/2016	Từ 01/4/2014 đến 31/3/2015
Số đầu năm	(4.239.713.413)	(6.736.713.443)
Trích lập dự phòng bổ sung	(1.446.691.408)	
Hoàn nhập dự phòng	2.300.961.910	2.497.000.030
Số cuối năm	(3.385.442.911)	(4.239.713.413)

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Tại 31/3/2016	Tại 01/4/2015
Công cụ, dụng cụ	203.135.218	210.877.174
Chi phí sửa chữa	343.130.383	133.472.550
Chi phí thuê nhà, thuê cơ sở hạ tầng	1.568.685.245	82.399.168
Chi phí dịch vụ chờ phân bổ	1.726.336.688	411.232.426
Chi phí bảo trì hạ tầng cấp quang	9.354.806	971.208.519
Chi phí bảo trì và hỗ trợ hệ thống quản trị doanh nghiệp	1.550.000.000	
Chi phí trả trước các dự án	17.161.916.642	
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.408.742.703	978.632.849
Cộng	23.971.301.685	2.787.822.686

9b. Chi phí trả trước dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Tại 31/3/2016</u>	<u>Tại 01/4/2015</u>
Công cụ dụng cụ	95.434.206.278	79.483.463.202
Tiền thuê đất (i)	8.419.194.447	2.875.773.031
Chi phí môi giới cho thuê văn phòng	650.972.168	1.273.014.751
Chi phí cải tạo văn phòng	4.312.934.841	2.383.750.135
Chi phí dự án VinE-com (ii)	4.407.352.145	12.902.352.149
Lợi thế thương mại	3.746.400.000	4.281.600.000
Chi phí cập nhật, nâng cấp định kỳ phần mềm diệt virus CMC Internet Security Enterprise	5.624.768.199	6.427.549.692
Chi phí triển khai dự án	5.370.463.191	6.889.377.189
Chi phí phần mềm Livecore Framework và live stream (IPTV)	1.008.080.000	1.008.080.000
Chi phí ứng cứu sự cố, sửa chữa	682.563.071	3.536.449.527
Chi phí trả trước dài hạn khác	6.576.709.885	9.167.553.542
Cộng	<u>136.233.644.225</u>	<u>130.228.963.218</u>

- (i) Là tiền thuê đất tại Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh để phục vụ cho mục đích xây dựng toà nhà trạm với thời gian thuê đất là 50 năm. Công ty thực hiện phân bổ trong thời gian là 48 năm bắt đầu từ năm 2013 là năm bắt đầu có doanh thu từ dự án nhà trạm.
- (ii) Công ty cho Công ty TNHH Vinecom thuê hệ thống máy chủ và thiết bị công nghệ thông tin. Thời gian thực hiện hợp đồng kéo dài 02 năm và tiền thuê được trả hàng tháng. Sau khi kết thúc hợp đồng, hệ thống máy chủ và thiết bị công nghệ thông tin này sẽ thuộc sở hữu của Công ty TNHH Vinecom. Tổng chi phí mua sắm hệ thống thiết bị cung cấp dịch vụ để thực hiện hợp đồng là 16.990.000.000 VND, Công ty đang theo dõi giá trị thiết bị trên Chi tiêu "Khoản chi phí trả trước dài hạn và phân bổ đều trong 02 năm, chi phí đã phân bổ lũy kế đến 31/3/2016 là 8.335.147.853 VND. Hệ thống đang được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo hợp đồng vay số 02/2014/2570354/11DTDTH ngày 19 tháng 11 năm 2014.

CHỦ
CỔ
VIỆT
NAM
TẬP
ĐOÀN

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Tại 01/4/2015	226.727.257.691	321.120.423.202	137.776.276.343	13.721.109.749	2.874.914.106	702.219.981.091
Mua trong năm		18.608.658.018	12.385.531.002	694.377.000		31.688.566.020
Đầu tư XDCB hoàn thành	2.753.524.633	41.102.822.063	42.499.834.217			86.356.180.913
Xuất hàng hóa hình thành TSCĐ				2.371.177.015		2.371.177.015
Tăng khác				15.808.551		15.808.551
Thanh lý, nhượng bán		(3.560.798.990)	(13.332.797.524)	(33.000.000)		(16.926.596.514)
Phân loại lại khoản mục	(26.643.532.820)	26.643.622.833		(90.013)		-
Tại 31/3/2016	202.837.249.504	403.914.727.126	179.328.844.038	16.769.382.302	2.874.914.106	805.725.117.076
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	321.610.484	24.099.392.812	17.413.311.924	3.102.720.771	243.895.600	45.180.931.591
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Tại 01/4/2015	21.218.557.836	123.801.810.855	54.522.481.700	7.351.416.433	1.858.406.751	208.752.673.575
Khấu hao trong năm	4.617.376.424	39.511.619.705	24.191.658.469	3.353.596.427	512.694.572	72.186.945.597
Tăng khác				15.808.551		15.808.551
Giảm do thanh lý, nhượng bán		(1.777.946.504)	(5.924.933.899)	(9.789.012)		(7.712.669.415)
Phân loại lại khoản mục	(2.930.130.822)	2.929.455.787	-	675.035		-
Tại 31/3/2016	22.905.803.438	164.464.939.843	72.789.206.270	10.711.707.434	2.371.101.323	273.242.758.308
Giá trị còn lại						
Tại 01/4/2015	205.508.699.855	197.318.612.347	83.253.794.643	6.369.693.316	1.016.507.355	493.467.307.516
Tại 31/3/2016	179.931.446.066	239.449.787.283	106.539.637.768	6.057.674.868	503.812.783	532.482.358.768
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng						
Đang chờ thanh lý						

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 304.350.319.916 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn và để cấp hạn mức tín dụng bảo lãnh cũng như mở LC tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao dịch 1.

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Là thiết bị dụng cụ quản lý	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Tại 01/4/2015	121.596.000	(121.596.000)	-
Điều chỉnh giảm do không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định	(121.596.000)	121.596.000	-
Tại 31/3/2016	-	-	-

12. Tài sản cố định vô hình

	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu, tên thương mại	Chương trình phần mềm	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá					
Tại 01/4/2015	30.939.433.245	551.086.545	28.936.880.001	6.660.610.458	67.088.010.249
Mua trong năm			1.014.427.000		1.014.427.000
Tại 31/3/2016	<u>30.939.433.245</u>	<u>551.086.545</u>	<u>29.951.307.001</u>	<u>6.660.610.458</u>	<u>68.102.437.249</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	39.000.000		1.368.475.910	664.373.952	2.071.849.862
Giá trị hao mòn					
Tại 01/4/2015	11.308.136.270	327.402.033	8.057.509.071	768.982.689	20.462.030.063
Khấu hao trong năm	3.879.848.123	88.708.656	3.992.787.988	800.917.517	8.762.262.284
Tại 31/3/2016	<u>15.187.984.393</u>	<u>416.110.689</u>	<u>12.050.297.059</u>	<u>1.569.900.206</u>	<u>29.224.292.347</u>
Giá trị còn lại					
Tại 01/4/2015	19.631.296.975	223.684.512	20.879.370.930	5.891.627.769	46.625.980.186
Tại 31/3/2016	<u>15.751.448.852</u>	<u>134.975.856</u>	<u>17.901.009.942</u>	<u>5.090.710.252</u>	<u>38.878.144.902</u>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời không sử dụng					
Đang chờ thanh lý					

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại 01/4/2015	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	Tại 31/3/2016
Mua sắm tài sản cố định	1.165.176.460	3.930.405.000	(227.400.000)	-	4.868.181.460
Xây dựng cơ bản dở dang	129.162.573.794	123.001.945.567	(86.356.180.913)	(18.975.711.486)	146.832.626.962
- Dự án cáp quang biển APG (i)	85.974.116.129	9.860.500.360	-	-	95.834.616.489
- Dự án triển khai hạ tầng mạng tại Đà Nẵng	889.803.228	11.230.909.641	-	-	12.120.712.869
- Dự án mở rộng, nâng cấp mạng CoreIP, Router NAT IP và Metro-NQ	-	16.999.763.559	-	-	16.999.763.559
- Chi phí vật tư xây lắp mạng cáp và ứng cứu sự cố	6.408.049.043	1.970.183.905	-	-	8.378.234.948
- Các dự án khác	35.890.605.394	82.940.586.102	(86.356.180.913)	(18.975.711.486)	13.499.299.097
Cộng	130.327.750.254	126.932.350.567	(86.583.580.913)	(18.975.711.486)	151.700.808.422

(i) Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh tháng 12 năm 2011 giữa Tập đoàn Viễn thông Quân đội (VIETTEL), Công ty Cổ phần Viễn thông FPT Telecom và Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC, ba bên cùng tham gia góp vốn theo tỷ lệ tương ứng là 62,50%; 25,00% và 12,50% để thực hiện Dự án Cáp quang biển APG với tổng mức đầu tư theo hợp đồng là 40 triệu USD tương ứng với 840.440.000.000 VND (quy đổi theo tỷ giá Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ngày 09/12/2011). Công ty thực hiện góp vốn theo "Thông báo đóng góp khoản đầu tư" của VIETTEL và ghi nhận trên khoản mục "Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang". Tổng giá trị góp vốn vào dự án của Công ty lũy kế đến ngày 31 tháng 3 năm 2016 là 95.834.616.489 VND.

14. Lợi thế thương mại

	Công ty Cổ phần Netnam	Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty Cổ phần An ninh An toàn thông tin CMC	Cộng
Nguyên giá				
Tại 01/4/2015	3.144.336.000	3.328.783.614	2.807.478.449	9.280.598.063
Điều chỉnh ghi nhận vào giá trị đầu tư của Công ty (1.572.168.000) liên kết				(1.572.168.000)
Tại 31/3/2016	1.572.168.000	3.328.783.614	2.807.478.449	7.708.430.063
Số đã phân bổ				
Tại 01/4/2015	1.572.168.000	998.635.083	280.747.845	2.851.550.928
Phân bổ trong năm		332.878.361	280.747.845	613.626.206
Tại 31/3/2016	1.572.168.000	1.165.074.264	421.121.768	3.465.177.134

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Công ty Cổ phần Netnam	Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty Cổ phần An ninh An toàn thông tin CMC	Cộng
Giá trị còn lại				
Tại 01/4/2015	1.572.168.000	2.330.148.531	2.526.730.604	6.429.047.135
Tại 31/3/2016	-	2.163.709.350	2.386.356.681	4.243.252.929

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại 31/3/2016	Tại 01/4/2015
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	7.199.147.646	74.068.840
Công ty Cổ phần Liên doanh Ciber – CMC	7.195.680.988	-
Công ty Cổ phần Netnam	3.466.658	74.068.840
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	307.911.242.559	267.626.934.203
Các nhà cung cấp khác	307.911.242.559	267.626.934.203
Cộng	315.110.390.205	267.701.003.043

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại 31/3/2016	Tại 01/4/2015
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	54.512.039.866	33.816.136.629
Các khách hàng khác	54.512.039.866	33.816.136.629
Cộng	54.512.039.866	33.816.136.629

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại 01/4/2015		Số phát sinh trong năm		Tại 31/3/2016	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.359.145.574		30.589.417.216	(30.577.649.104)	4.370.913.686	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	1.286.611	476.477.374	78.985.350.793	(79.513.590.255)		1.003.430.225
Thuế xuất, nhập khẩu	969.562.988	1.497.398.290	438.008.965	(1.251.409.583)	127.405.289	1.468.641.209
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.961.939.977	762.286.164	23.553.516.206	(12.621.498.213)	19.868.175.488	736.503.682
Thuế thu nhập cá nhân	3.566.213.203	171.643.381	7.297.168.433	(6.486.762.399)	4.268.075.552	63.099.696
Thuế nhà thầu	1.819.880.137		15.426.593.396	(14.767.414.091)	2.479.059.442	-
Các loại thuế khác	81.915.201		371.458.173	(387.676.857)	94.801.024	29.104.507
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		4.725.381	356.814	(175.065)	181.749	4.725.381
Cộng	19.759.943.691	2.912.530.590	156.661.869.996	(145.606.175.567)	31.208.612.230	3.305.504.700

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài Chính, Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm CMC hoạt động trong lĩnh vực sản xuất phần mềm, do đó được ưu đãi với mức thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi thành lập trong đó: Miễn thuế trong 4 năm (kể từ năm 2006), giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Năm 2015 là năm thứ 6 Công ty được giảm 50% số thuế phải nộp.
- Theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài Chính, Công ty Cổ phần An ninh an toàn Thông tin CMC hoạt động trong lĩnh vực sản xuất phần mềm, do đó được ưu đãi với mức thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi thành lập trong đó: Năm 2008 thành lập, năm 2013 công ty bắt đầu có lãi. Miễn thuế trong 4 năm (kể từ năm 2011), giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% đối với thu nhập bình quân từ 01 tháng 4 năm 2015 đến 31 tháng 12 năm 2015 và thuế suất 20% đối với thu nhập bình quân từ 01 tháng 01 năm 2016 đến 31 tháng 3 năm 2016.

Thu nhập bình quân được xác định bằng thu nhập từ 01 tháng 4 năm 2015 đến 31 tháng 3 năm 2016 chia cho 12 tháng.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Từ 01/4/2015 đến 31/3/2016</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	160.377.221.548
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	19.987.455.676
<i>Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận chịu thuế tại Công ty mẹ và các công ty con</i>	21.022.428.245
<i>Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận chịu thuế tại Công ty mẹ và các công ty con</i>	(1.034.972.569)
Tăng/ (giảm) do hợp nhất báo cáo tài chính	4.610.352.806
Thu nhập chịu thuế	184.975.030.030
Thu nhập được miễn thuế	
Lỗ các năm trước được chuyển	(76.523.304.937)
Thu nhập tính thuế	108.451.725.093
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp từ 01/4/2015 đến 31/12/2015	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông từ 01/4/2015 đến 31/12/2015	17.894.534.640
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp từ 01/01/2016 đến 31/3/2016	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông từ 01/01/2016 đến 31/3/2016	5.422.586.256

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Từ 01/4/2015 đến 31/3/2016
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(192.176.256)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(83.554.894)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	23.041.389.746
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	512.126.460
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	23.553.516.206

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại 31/3/2016	Tại 01/4/2015
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>70.067.833.171</i>	<i>72.194.728.701</i>
Trích trước chi phí cho các dự án	7.143.385.336	17.397.239.251
Chi phí lãi vay phải trả	684.845.549	769.987.081
Chi phí thuê cộng tác viên	14.465.825.925	8.076.429.351
Chi phí băng thông	13.633.290.860	8.916.345.936
Chi phí cho dịch vụ VOIP, 710, 1900	10.748.604.237	10.632.177.530
Chi phí dịch vụ SMS brandname	2.177.580.904	1.616.647.380
Chi phí phân chia dịch vụ EOC và dịch vụ khác	5.780.592.681	7.806.907.498
Chi phí tư vấn pháp lý, quản trị, kiểm toán	1.269.074.181	1.720.284.282
Chi phí cước thuê kênh	4.102.909.021	2.568.288.144
Chi phí phát triển thuê bao	1.045.400.684	1.382.050.526
Chi phí thuê ngoài, mua ngoài	4.035.874.797	2.774.737.257
Chi phí dự án VMS5	1.165.258.079	3.144.303.810
Chi phí Ban quản lý tòa nhà	1.287.389.678	983.587.000
Các chi phí phải trả khác	2.527.801.239	4.405.743.655
Cộng	70.067.833.171	72.194.728.701

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn/dài hạn**19a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	Tại 31/3/2016	Tại 01/4/2015
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</i>		
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>	48.267.456.530	50.359.080.365
Tiền trả trước về cho thuê văn phòng	7.351.570.058	7.928.500.836
Tiền trả trước về cung cấp dịch vụ tích hợp hệ thống	22.263.523.578	18.892.957.720
Tiền trả trước về cung cấp dịch vụ viễn thông	18.652.362.894	23.537.621.809
Cộng	48.267.456.530	50.359.080.365

19b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	Tại 31/3/2016	Tại 01/4/2015
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</i>		
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>	41.178.132.848	6.544.395.148
Tiền trả trước về cung cấp dịch vụ viễn thông	41.178.132.848	6.544.395.148
Cộng	41.178.132.848	6.544.395.148

20. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**20a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại 31/3/2016	Tại 01/4/2015
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	41.832.036.185	35.010.425.394
Tài sản thừa chờ giải quyết	19.919.112	27.829.679
Kinh phí công đoàn	1.122.490.355	648.598.763
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	2.800.600.392	2.643.567.084
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	403.950.000	1.822.617.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	98.697.000	100.809.200
Lãi vay phải trả	2.963.854.772	2.140.935.787
Phải trả tiền vay không tính lãi	12.141.603.770	20.818.008.982
Chi trả hộ hãng tiền thưởng chiết khấu, tiền hỗ trợ cho khách hàng	3.477.809.764	3.415.576.291
Phải nộp Quỹ dịch vụ viễn thông công ích	4.075.745.843	
Phải trả khác cho đối tác liên doanh	6.323.244.396	
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	8.404.120.781	3.392.482.608
Cộng	41.832.036.185	35.010.425.394

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20b. Phải trả dài hạn khác

	Tại 31/3/2016	Tại 01/4/2015
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>14.858.414.063</i>	<i>15.887.779.043</i>
Nhận ký quỹ, ký cược	14.858.414.063	15.887.779.043
Cộng	14.858.414.063	15.887.779.043

20c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Tại 31/3/2016	Tại 01/4/2015
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>300.858.966.483</i>	<i>291.995.259.459</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng	252.322.024.578	189.291.489.558
Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam	22.427.725.632	41.354.651.824
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	159.254.502.560	93.616.059.654
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quận 10	22.739.796.386	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	47.900.000.000	45.820.778.080
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á		8.500.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân	13.536.941.905	25.883.709.901
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	35.000.000.000	76.820.060.000
Cộng	300.858.966.483	291.995.259.459

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay ngắn hạn cá nhân	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Tại 01/4/2015	189.291.489.558	25.883.709.901	76.820.060.000	291.995.259.459
Số tiền vay phát sinh trong năm	1.664.239.668.215	18.486.090.290	8.000.000.000	1.690.725.758.505
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn			52.072.450.003	52.072.450.003
Lãi vay nhập gốc		93.922.613		93.922.613
Tăng do đánh giá lại khoản mục có gốc ngoại tệ		146.751.500		146.751.500
Số tiền vay trả trong năm	(1.601.209.133.195)	(31.073.532.399)	(101.892.510.003)	(1.734.175.175.597)
Tại 31/3/2016	252.322.024.578	13.536.941.905	35.000.000.000	300.858.966.483

Tập đoàn hoàn toàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Tại 31/3/2016	Tại 01/4/2015
<i>Vay dài hạn phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Vay phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	100.835.467.983	174.508.973.096
Vay dài hạn ngân hàng	99.719.217.983	174.508.973.090
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	99.719.217.983	174.508.973.090
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC (i)		17.072.450.003
- Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC (ii)	99.719.217.983	157.436.523.087
Vay dài hạn cá nhân (iii)	1.116.250.000	
Cộng	100.835.467.983	174.508.973.090

- (i) Khoản vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01.1200047/2006/HĐTDH lập ngày 06 tháng 12 năm 2006, mục đích dùng để đầu tư cho Dự án Tòa nhà Tri thức theo Quyết định đầu tư số 10/2004/CMC-QĐ HĐTV ngày 09 tháng 11 năm 2004 và Quyết định điều chỉnh tổng mức đầu tư số 23/2006/CMC - QĐ HĐTV của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Máy tính Truyền thông CMC, lãi suất vay biến động. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (ii) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 1 theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2013/2570354/HĐTDDH ngày 02 tháng 7 năm 2013. Hạn mức cho vay là 200.000.000.000 VND, Lãi suất cho vay thả nổi được điều chỉnh 03 tháng một lần vào ngày đầu tiên của mỗi quý. Thời hạn cho vay là 66 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng các tài sản sau: toàn bộ các máy móc thiết bị thuộc phần CoreIP, CCBS, OLT, tài sản cố định của EOC và ODS; quyền khai thác Dự án APG; công trình xây dựng trên đất đai tại địa chỉ Lô C1A cụm tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; 5 triệu cổ phiếu CMG thuộc sở hữu của Công ty TNHH Đầu tư Mỹ Linh (do ông Nguyễn Trung Chính – Chủ tịch Hội đồng thành viên làm đại diện đồng thời là Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC), 5 triệu cổ phiếu CMG thuộc sở hữu của công ty TNHH Đầu tư MVI (do ông Hà Thế Minh – Chủ tịch Hội đồng thành viên làm đại diện đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC); bảo lãnh của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC; toàn bộ tài sản trên đất thuộc Dự án xây dựng nhà trạm Internet khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tập đoàn công nghệ CMC; hai Data Center tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.
- (iii) Hợp đồng số 01.15/HĐVV-CMS ngày 29/6/2015 sử dụng cho mục đích kinh doanh, thời hạn cho vay 2 năm, lãi suất cho vay 5%/năm và được điều chỉnh 3 tháng/1 lần căn cứ vào lãi suất cho vay của Ngân hàng, tiền lãi được trả 3 tháng/1 lần.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>
Tại 31/3/2016				
Vay dài hạn ngân hàng	134.719.217.983	35.000.000.000	99.719.217.983	
Vay dài hạn các cá nhân	1.116.250.000		1.116.250.000	
Cộng	135.835.467.983	35.000.000.000	100.835.467.983	-
Tại 01/4/2015				
Vay dài hạn ngân hàng	251.329.033.090	76.820.060.000	174.508.973.090	
Cộng	251.329.033.090	76.820.060.000	174.508.973.090	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Vay dài hạn ngân hàng</u>	<u>Vay dài hạn cá nhân</u>	<u>Cộng</u>
Tại 01/4/2015	174.508.973.090		174.508.973.090
Số tiền vay phát sinh		1.091.750.000	1.091.750.000
Tăng do đánh giá lại khoản vay có gốc ngoại tệ		24.500.000	24.500.000
Số tiền vay đã trả	(22.717.305.104)		(22.717.305.104)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(52.072.450.003)		(52.072.450.003)
Tại 31/3/2016	99.719.217.983	1.116.250.000	100.835.467.983

21c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

22. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	<u>Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa</u>	<u>Dự phòng bảo hành dự án</u>	<u>Cộng</u>
Tại 01/4/2015	3.101.365.021		3.101.365.021
Tăng do trích lập	3.823.165.929	256.845.208	4.080.011.137
Số sử dụng trong năm	(553.663.771)		(553.663.771)
Tại 31/3/2016	6.370.867.179	- 256.845.208	6.627.712.387

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Từ 01/4/2015 đến 31/3/2016</u>	<u>Từ 01/4/2014 đến 31/3/2015</u>
Số đầu năm	490.896.995	(2.105.469.108)
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	15.415.768.398	7.062.957.478
Chi quỹ	(8.280.191.292)	(4.466.591.375)
Số cuối năm	7.626.474.101	490.896.995

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

24. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

24a. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại của Tập đoàn liên quan đến chênh lệch tạm thời được khấu trừ do hợp nhất báo cáo tài chính. Chi tiết phát sinh như sau:

	Từ 01/4/2015 đến 31/3/2016	Từ 01/4/2014 đến 31/3/2015
Số đầu năm	610.259.884	2.175.288.687
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(160.010.052)	(1.565.028.803)
Số cuối năm	450.249.832	610.259.884

24b. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến chi phí khấu hao thiết bị của Tòa nhà tri thức. Chi tiết phát sinh như sau:

	Từ 01/4/2015 đến 31/3/2016	Từ 01/4/2014 đến 31/3/2015
Số đầu năm	1.827.036.621	2.344.654.473
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(63.795.976)	(517.617.852)
Số cuối năm	1.763.240.645	1.827.036.621

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20% (năm trước thuế suất là 22%).

25. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành tài sản cố định	Cộng
Tại 01/4/2015			
Trích lập quỹ	1.387.948.636		1.387.948.636
Tại 31/3/2016	1.387.948.636		1.387.948.636

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

26. Vốn chủ sở hữu**26a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Tại 01/4/2014	673.419.530.000	15.307.031.884	(6.840.260.634)	431.436.000	61.606.766	61.710.300	(116.406.651.223)	566.034.403.093
Lợi nhuận trong năm trước							109.036.134.257	109.036.134.257
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi							(7.062.957.478)	(7.062.957.478)
Trích quỹ đầu tư phát triển					865.607.451		(865.607.451)	
Các khoản điều chỉnh khác								
Tại 31/3/2015	673.419.530.000	15.307.031.884	(6.840.260.634)	431.436.000	927.214.217	61.710.300	(15.299.081.895)	668.007.579.872
Tại 01/4/2015	673.419.530.000	15.307.031.884	(6.840.260.634)	431.436.000	988.924.517		(15.299.081.895)	668.007.579.872
Tăng do phát hành thêm cổ phần ở Công ty con (*)							98.283.495.489	98.283.495.489
Lợi nhuận trong năm							107.516.208.600	107.516.208.600
Tăng/giảm do mua lại cổ phần từ cổ đông không kiểm soát tại Công ty con							(970.947.146)	(970.947.146)
Chia cổ tức trong năm								
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi tại Tập đoàn							(11.814.415.416)	(11.814.415.416)
Trích quỹ thưởng Ban điều hành tại Công ty mẹ							(1.285.500.000)	(1.285.500.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi tại các công ty liên kết							(787.743.698)	(787.743.698)
Điều chỉnh lại lãi/lỗ tại Công ty liên kết		(411.519.250)			(988.924.517)		1.400.443.767	
Tăng/giảm khác từ lợi nhuận tại các công ty con							(666.598.662)	(666.598.662)
Tại 31/3/2016	673.419.530.000	14.895.512.634	(6.840.260.634)	431.436.000			176.375.861.039	858.282.079.039

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Trong năm, Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC có phát hành thêm 8.500.000 cổ phần cho cổ đông chiến lược thu về 253.651.462.326 VND trong đó giá trị vốn đầu tư của chủ sở hữu tương ứng là 85.000.000.000 VND, thặng dư vốn cổ phần là 168.651.462.326 VND

Theo quy định về hợp nhất báo cáo tài chính thì phần thặng dư vốn cổ phần nêu trên và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC tại thời điểm phát hành thêm cổ phần sẽ được phản ánh vào các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn như sau:

	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Tập đoàn	Lợi ích cổ đông không kiểm soát
Thặng dư vốn cổ phần tại Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	91.835.117.521	76.816.344.805
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	6.448.377.968	(6.448.377.968)
Cộng	98.283.495.489	70.367.966.837

26b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại 31/3/2016	Tại 01/4/2015
Công ty TNHH Đầu tư Mỹ Linh	142.512.100.000	142.512.100.000
Công ty TNHH Đầu tư MVI	141.616.000.000	141.616.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội	93.935.960.000	89.039.960.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	33.920.000.000	33.920.000.000
Tập đoàn Bảo Việt	33.920.000.000	33.920.000.000
Các cổ đông khác	216.522.880.000	221.418.880.000
Cổ phiếu quỹ	10.992.590.000	10.992.590.000
Cộng	673.419.530.000	673.419.530.000

26c. Cổ phiếu

	Tại 31/3/2016	Tại 01/4/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	67.341.953	67.341.953
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	67.341.953	67.341.953
- Cổ phiếu phổ thông	67.341.953	67.341.953
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	1.099.259	1.099.259
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	66.242.694	66.242.694

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

26d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 ngày 14 tháng 7 năm 2015 như sau:

- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi : 1.876.403.316 VND
- Thường Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát 2014 : 1.285.596.200 VND

Ngoài ra, Công ty cũng tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2015 là 2.795.516.497 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

27. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát như sau:

	Từ 01/4/2015 đến 31/3/2016	Từ 01/4/2014 đến 31/3/2015
Số đầu năm	59.068.468.701	49.907.233.958
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	29.211.282.666	8.789.729.174
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(3.601.352.982)	
Tăng do phát hành thêm cổ phần ở Công ty con	155.367.966.837	
Tăng/giảm do mua lại cổ phần từ cổ đông không kiểm soát tại Công ty con	(829.052.854)	
Các khoản điều chỉnh khác		371.505.569
Số cuối năm	<u>239.217.312.368</u>	<u>59.068.468.701</u>

28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

28a. Ngoại tệ các loại

	Tại 31/3/2016	Tại 01/4/2015
Dollar Mỹ (USD)	1.046.173,02	544.735,19
Euro (EUR)	-	19.980,85
Yên Nhật (¥)	74.137,00	74.137,00

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Từ 01/4/2015 đến 31/3/2016	Từ 01/4/2014 đến 31/3/2015
Doanh thu bán hàng hóa	2.510.367.385.371	2.050.162.729.927
Doanh thu bán thành phẩm	34.948.625.950	
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.158.175.731.173	1.209.890.121.003
Doanh thu khác	904.841.722	30.000.000.000
Cộng	<u>3.704.396.584.216</u>	<u>3.290.052.850.930</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Từ 01/4/2015 đến 31/3/2016	Từ 01/4/2014 đến 31/3/2015
Chiết khấu thương mại	2.697.292.138	2.985.308.384
Hàng bán bị trả lại	7.886.077.339	22.291.551.386
Giảm giá hàng bán		68.888.139
Cộng	10.583.369.477	25.345.747.909

3. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/4/2015 đến 31/3/2016	Từ 01/4/2014 đến 31/3/2015
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.527.443.664.235	1.774.973.265.146
Giá vốn của thành phẩm đã bán	31.922.163.199	
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	806.710.512.506	974.339.832.413
Giá vốn hoạt động kinh doanh khác	634.380.602	673.955.730
(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(204.154.281)	(2.357.011.567)
Cộng	3.166.506.566.261	2.747.630.041.722

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/4/2015 đến 31/3/2016	Từ 01/4/2014 đến 31/3/2015
Lãi tiền gửi	12.415.378.521	2.029.073.198
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	1.046.233.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.808.043.327	2.004.203.634
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		111.833.806
Lãi bán hàng trả chậm	399.914.513	
Doanh thu hoạt động tài chính khác		90.000.000
Cộng	16.623.336.361	5.281.343.638

5. Chi phí tài chính

	Từ 01/4/2015 đến 31/3/2016	Từ 01/4/2014 đến 31/3/2015
Chi phí lãi vay	25.970.916.609	35.374.748.936
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	6.073.116.162	4.169.027.645
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	661.961.884	1.485.430.050
Dự phòng dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư		3.845.951.524
Chi phí hoạt động tài chính khác		573.725
Cộng	32.705.994.655	44.875.731.880

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Chi phí bán hàng

	Từ 01/4/2015 đến 31/3/2016	Từ 01/4/2014 đến 31/3/2015
Chi phí cho nhân viên	121.245.132.218	101.768.020.675
Chi phí vật liệu, bao bì	18.387.701.165	38.101.902.033
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.797.369.334	1.797.315.205
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	4.276.528.409	7.680.762.482
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	63.564.882.708	56.073.937.191
Cộng	210.271.613.834	205.421.937.586

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/4/2015 đến 31/3/2016	Từ 01/4/2014 đến 31/3/2015
Chi phí cho nhân viên	87.600.219.069	69.235.513.465
Chi phí vật liệu quản lý	3.095.819.513	10.561.292.456
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.902.786.746	3.908.900.256
Thuế, phí và lệ phí	651.083.777	678.958.970
Dự phòng phải thu khó đòi	6.233.322.612	25.860.755.920
Trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ	1.387.948.636	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.915.874.209	21.142.511.541
Các chi phí khác	25.557.804.501	19.164.765.859
Cộng	160.344.859.063	150.552.698.467

8. Thu nhập khác

	Từ 01/4/2015 đến 31/3/2016	Từ 01/4/2014 đến 31/3/2015
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	354.545.454	24.372.727
Thu nhập từ tổ chức hội thảo Avar	2.684.741.263	
Khoản tài trợ của dự án IPP	718.093.810	753.111.118
Khoản hỗ trợ Marketing từ hãng	9.723.086.224	3.773.668.778
Các khoản thuế được hoàn	813.289.695	
Xử lý công nợ tồn lâu	463.018.075	933.102.971
Các khoản thu nhập khác	1.190.047.589	1.279.084.865
Cộng	15.946.822.110	6.763.340.459

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Chi phí khác

	<u>Từ 01/4/2015 đến 31/3/2016</u>	<u>Từ 01/4/2014 đến 31/3/2015</u>
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.110.090	6.218.670
Chi phí tổ chức hội thảo Avar	3.218.349.626	
Thuế bị phạt, bị truy thu	957.085.955	138.580.081
Các khoản chi phí khác	1.725.866.134	6.971.324.766
Cộng	5.903.411.805	7.116.123.517

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Từ 01/4/2015 đến 31/3/2016</u>	<u>Từ 01/4/2014 đến 31/3/2015</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(63.795.976)	(31.897.988)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	371.753.258	1.909.273.070
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(211.743.206)	(344.244.267)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả		(485.719.864)
Cộng	96.214.076	1.047.410.951

11. Lãi trên cổ phiếu

11a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Từ 01/4/2015 đến 31/3/2016</u>	<u>Từ 01/4/2014 đến 31/3/2015</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	107.516.208.600	109.036.134.257
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(6.934.423.154)	(8.908.901.311)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	100.581.785.446	100.127.232.946
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	66.242.694	66.242.694
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.518	1.512

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	Từ 01/4/2015 đến 31/3/2016	Từ 01/4/2014 đến 31/3/2015
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	66.242.694	66.242.694
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại trong năm		
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	66.242.694	66.242.694

11b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 1.646 VND xuống còn 1.512 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/4/2015 đến 31/3/2016	Từ 01/4/2014 đến 31/3/2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	116.309.536.860	151.854.813.360
Chi phí nhân công	267.297.665.746	282.154.076.322
Chi phí khấu hao tài sản cố định	80.949.207.881	69.564.784.310
Chi phí dự phòng	6.233.322.612	20.161.102.744
Chi phí bảo hành	4.276.528.409	1.188.123.807
Chi phí dịch vụ mua ngoài	631.886.688.453	832.716.510.014
Chi phí khác	92.753.197.341	79.347.780.027
Cộng	1.199.706.147.302	1.436.987.190.584

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Liên doanh Cyber - CMC	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Netnam	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6, V.15, V.16 và V.20.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

2a. *Thông tin về lĩnh vực kinh doanh*

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực dịch vụ tích hợp: do 03 công ty cung cấp là Công ty TNHH Tích hợp CMC, Công ty TNHH Tích hợp CMC Sài Gòn, Công ty Cổ phần An ninh An toàn Thông tin CMC
- Lĩnh vực dịch vụ phần mềm: do Công ty TNHH Giải pháp phần mềm CMC cung cấp.
- Lĩnh vực dịch vụ viễn thông: do Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC cung cấp
- Lĩnh vực phân phối và lắp ráp: do Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại P&T, Công ty TNHH Máy tính CMC cung cấp.
- Lĩnh vực dịch vụ khác: do Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC cung cấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực dịch vụ tích hợp	Lĩnh vực dịch vụ phần mềm	Lĩnh vực dịch vụ viễn thông	Lĩnh vực phân phối và lắp ráp	Các dịch vụ khác	Điều chỉnh do hợp nhất	Cộng
Từ 01/4/2015 đến 31/3/2016							
Doanh thu thuần theo bộ phận							
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.437.057.613.105	136.976.464.673	820.180.893.419	1.208.204.859.261	91.393.384.281	-	3.693.813.214.739
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	78.334.869.125	12.217.668.441	4.356.250.618	7.827.378.500	25.931.920.044	(128.668.086.728)	-
Tổng doanh thu thuần theo bộ phận	1.515.392.482.230	149.194.133.114	824.537.144.037	1.216.032.237.761	117.325.304.325	(128.668.086.728)	3.693.813.214.739
Chi phí theo bộ phận (i)	1.467.905.489.704	147.709.130.118	746.030.763.788	1.201.817.878.775	101.674.904.571	(128.015.127.798)	3.537.123.039.158
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	47.486.992.526	1.485.002.996	78.506.380.249	14.214.358.986	15.650.399.754	(652.958.930)	156.690.175.581
Lợi nhuận trước thuế TNDN theo bộ phận	46.776.215.666	1.620.926.153	77.427.511.128	14.293.676.501	11.943.489.765	8.315.402.335	160.377.221.548
Từ 01/4/2014 đến 31/3/2015							
Doanh thu thuần theo bộ phận							
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	960.639.181.856	102.486.224.528	692.014.025.684	1.169.220.440.317	340.347.230.636		3.264.707.103.021
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	262.281.501.502	6.141.293.465	4.672.433.572	31.368.389.077	37.423.360.865	(341.886.978.481)	-
Tổng doanh thu thuần theo bộ phận	1.222.920.683.358	108.627.517.993	696.686.459.256	1.200.588.829.394	377.770.591.501	(341.886.978.481)	3.264.707.103.021

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lĩnh vực dịch vụ tích hợp	Lĩnh vực dịch vụ phần mềm	Lĩnh vực dịch vụ viễn thông	Lĩnh vực phân phối và lắp ráp	Các dịch vụ khác	Điều chỉnh do hợp nhất	Cộng
Chi phí theo bộ phận (i)	1.173.928.037.861	96.359.890.778	650.172.857.488	1.190.630.833.355	334.043.137.446	(341.530.079.153)	3.103.604.677.775
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	48.992.645.497	12.267.627.215	46.513.601.768	9.957.996.039	43.727.454.055	(356.899.328)	161.102.425.246
Lợi nhuận trước thuế TNDN theo bộ phận	46.555.618.850	12.347.548.277	31.632.272.285	9.260.330.727	25.377.801.380	4.391.092.031	129.564.663.550

(i) Chi phí theo bộ phận bao gồm giá vốn, chi phí bán hàng và chi phí quản lý (không bao gồm chi phí lãi vay và các chi phí khác)

(ii) Kết quả kinh doanh theo bộ phận bằng doanh thu thuần theo bộ phận trừ đi chi phí theo bộ phận.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực dịch vụ tích hợp	Lĩnh vực dịch vụ phần mềm	Lĩnh vực dịch vụ viễn thông	Lĩnh vực phân phối và lắp ráp	Các dịch vụ khác	Cộng
Tại 31/3/2016						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	452.083.855.680	114.668.507.054	842.998.978.023	175.942.983.097	341.483.678.511	1.927.178.002.365
Tài sản phân bổ cho bộ phận						
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận						268.491.458.932
Tổng tài sản						2.195.669.461.297
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	322.454.262.439	30.185.002.617	536.242.972.379	155.105.947.583	52.793.936.236	1.096.782.121.254
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận						
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						1.387.948.636
Tổng nợ phải trả						1.098.170.069.890
Tại 01/4/2015						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	272.566.277.225	115.375.464.878	678.734.986.079	155.542.836.333	515.486.499.094	1.737.706.063.609
Tài sản phân bổ cho bộ phận						
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận						24.651.760.995
Tổng tài sản						1.762.357.824.604
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	313.962.169.306	21.425.653.180	443.560.894.244	150.732.155.959	105.600.903.342	1.035.281.776.031
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận						
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						
Tổng nợ phải trả						1.035.281.776.031

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

3a. Áp dụng chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con". Tập đoàn đã trình bày lại các số liệu so sánh theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

3b. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới

Việc áp dụng chế độ kế toán mới không ảnh hưởng trọng yếu đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán hợp nhất					
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	1.434.471.763	(1.386.471.763)	48.000.000	(i)
- Các khoản phải thu ngắn hạn	130	609.938.340.544	81.423.802.605	691.362.143.149	
<i>Phải thu khách hàng</i>		<i>548.238.204.036</i>	<i>49.476.923.746</i>	<i>597.715.127.782</i>	(ii)
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i>	135	-	1.386.471.763	1.386.471.763	(i)
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	136	<i>76.861.828.875</i>	<i>30.321.634.447</i>	<i>107.183.463.322</i>	(ii), (iii)
<i>Tài sản thiếu chờ xử lý</i>	139	-	238.772.649	238.772.649	(ii)
- Tài sản ngắn hạn khác	155	80.037.330.482	(80.037.330.482)	-	(iii)
- Phải thu dài hạn khác	216	160.000.000	2.731.643.406	2.891.643.406	(iv)
- Tài sản dài hạn khác	268	2.731.643.406	(2.731.643.406)	-	(iv)
- Quỹ dự phòng tài chính		61.710.300	(61.710.300)	-	(vii)
- Quỹ đầu tư phát triển		927.214.217	61.710.300	988.924.517	(vii)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất					
Giá vốn hàng bán	28	2.709.157.156.383	38.472.885.339	2.747.630.041.722	(v)
Chi phí bán hàng	51	243.894.822.925	(38.472.885.339)	205.421.937.586	(v)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.646	(134)	1.512	(vi)

- (i) Phân loại lại khoản mục "Cho vay ngắn hạn khác" từ "Đầu tư tài chính ngắn hạn khác" sang trình bày trên các "Các khoản phải thu ngắn hạn"
- (ii) Phân loại lại khoản Phải thu về doanh thu tạm xác định theo ước tính theo tỷ lệ phần công việc đã hoàn thành từ khoản mục "Phải thu ngắn hạn khác" sang khoản mục "Phải thu khách hàng"
- (iii) Phân loại lại khoản mục "Tạm ứng", "Ký cược, ký quỹ ngắn hạn" và "Tài sản thiếu chờ xử lý" từ "Tài sản ngắn hạn khác" sang trình bày trên các "Phải thu ngắn hạn khác".
- (iv) Phân loại lại khoản mục "Ký cược, ký quỹ dài hạn" từ "Tài sản dài hạn khác" sang trình bày trên các "Phải thu dài hạn khác".
- (v) Phân loại lại chi phí tại Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (vi) Trừ phần trích quỹ khen thưởng phúc lợi khi tính Lợi nhuận tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu.
- (vii) Phân loại lại quỹ dự phòng tài chính sang quỹ đầu tư phát triển.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Tập đoàn cho các công ty liên doanh, liên kết và các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Tại 31/3/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	87.680.257.918		87.680.257.918
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	238.980.223.937		238.980.223.937
Phải thu khách hàng	572.221.480.458	77.315.976.913	649.537.457.371
Các khoản cho vay	3.900.000.000		3.900.000.000
Các khoản phải thu khác	45.900.072.937	8.214.320.000	54.114.392.937
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	980.000.000	686.417.400	1.666.417.400
Cộng	949.662.035.250	86.216.714.313	1.035.878.749.563
Tại 01/4/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	78.178.073.117		78.178.073.117
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	48.000.000		48.000.000
Phải thu khách hàng	526.158.626.512	71.556.501.270	597.715.127.782
Các khoản cho vay	1.386.471.763		1.386.471.763
Các khoản phải thu khác	27.326.527.104	14.464.374.278	41.790.901.382
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán		686.417.400	686.417.400
Cộng	633.097.698.496	86.707.292.948	719.804.991.444

4b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại 31/3/2016				
Vay và nợ	300.858.966.483	100.835.467.983		401.694.434.466
Phải trả người bán	315.110.390.205			315.110.390.205
Các khoản phải trả khác	104.308.159.176	14.858.414.063		119.166.573.239
Cộng	720.277.515.864	115.693.882.046		835.971.397.910
Tại 01/4/2015				
Vay và nợ	291.995.259.459	174.508.973.090		466.504.232.549
Phải trả người bán	267.701.003.043			267.701.003.043
Các khoản phải trả khác	100.974.235.701	15.887.779.043		116.862.014.744
Cộng	660.670.498.203	190.396.752.133		851.067.250.336

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 và ngày 01 tháng 4 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tập đoàn không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Tại 31/3/2016 (USD)	Tại 01/4/2015 (USD)
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.046.173,02	544.735,19
Vay và nợ		(369.500,00)
Tài sản thuần có gốc ngoại tệ	1.046.173,02	175.235,19

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

	Tại 31/3/2016		Tại 01/4/2015	
	VND	USD	VND	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	64.397.677.358	1.046.173,02	66.425.411.394	544.735,19
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	238.980.223.937		48.000.000	
Vay và nợ	(466.504.232.549)		(458.532.270.050)	(369.500,00)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	(163.126.331.254)	1.046.173,02	(392.058.858.656)	175.235,19

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 2.610.021.300 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 6.6116.118.195 VND).

Rủi ro về giá hàng hóa

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

4d. Tài sản đảm bảo

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 và tại ngày 01 tháng 4 năm 2015.

5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Tại 31/3/2016		Tại 01/4/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	87.680.257.918		78.178.073.117	
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	238.980.223.937		48.000.000	
Phải thụ khách hàng	649.537.457.371	(77.315.976.913)	597.715.127.782	(71.556.501.270)
Các khoản cho vay	3.900.000.000		1.386.471.763	
Các khoản phải thu khác	54.114.392.937	(1.464.320.000)	41.790.901.382	(7.714.374.278)
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.666.417.400	(686.417.400)	686.417.400	(686.417.400)
Cộng	1.035.878.749.563	(79.466.714.313)	719.804.991.444	(79.957.292.948)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Tại 31/3/2016	Tại 01/4/2015
Vay và nợ	401.694.434.466	466.504.232.549
Phải trả người bán	315.110.390.205	267.701.003.043
Các khoản phải trả khác	122.815.273.560	119.772.937.612
Cộng	839.620.098.231	853.978.173.204

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: Tòa nhà CMC Tower, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

7. Thông tin khác

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Một số khoản mục trên Bảng Cân đối kế toán và Báo cáo kết quả kinh doanh đã được phân loại lại cho phù hợp (xem thuyết minh số VII.3b).

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2016

Kế toán trưởng

Nguyễn Hồng Phương

Giám đốc tài chính

Lê Thanh Sơn

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trung Chính

